

Số: 08 /2018/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 08 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 96/TTr-SNV ngày 02 tháng 02 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 02 năm 2018 và thay thế Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng.

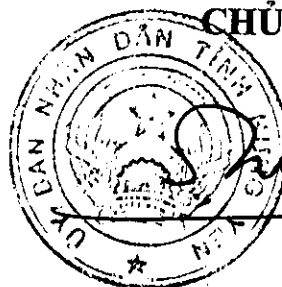
Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Trưởng các Khối thi đua thuộc tỉnh căn cứ Quyết định thi hành. /ngtd

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Ban Thi đua - KT TW, Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Cơ sở DLQG về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Các thành viên Hội đồng TĐKT tỉnh;
- Hội đồng TĐKT Tổ chức Đảng và Đảng viên tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, HCTC¹.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phóng

QUY CHẾ

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 08 /2018/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định cụ thể về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, gồm: Nguyên tắc thi đua, khen thưởng; nội dung và hình thức tổ chức phong trào thi đua; tiêu chuẩn các phong trào thi đua; các hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng; quy định về hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng; tuyến trình khen thưởng; thông báo kết quả khen thưởng; lưu trữ hồ sơ khen thưởng; sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng; quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể được khen thưởng; hồ sơ, thủ tục, hủy bỏ quyết định khen thưởng; hành vi vi phạm; khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh.

2. Các nội dung về thi đua, khen thưởng không quy định trong văn bản này thì được thực hiện theo Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng thi đua:

a) Các cá nhân, gia đình, các tổ chức tôn giáo; người Việt Nam ở nước ngoài; người nước ngoài sinh sống, làm việc, học tập hợp pháp trên địa bàn tỉnh.

b) Các cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang, các tổ chức kinh tế (kể cả tổ chức nước ngoài) đóng trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng khen thưởng:

Các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 2 của Quy chế này tự nguyện thi đua, đạt thành tích xuất sắc có công lao đóng góp cho việc phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua:

Tự nguyện, tự giác, công khai; đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển. Việc xét tặng danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua, đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua. Không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

2. Nguyên tắc khen thưởng:

a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời. Thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng lớn được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân là người trực tiếp lao động, công tác, chiến đấu (công chức, viên chức, công nhân, nông dân, chiến sĩ) và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, công tác.

b) Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo; không xét khen thưởng đối với người đứng đầu đơn vị nếu trong năm đơn vị được giao quản lý bị cấp có thẩm quyền phê bình bằng văn bản. Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể, cá nhân đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh, làm rõ.

c) Trường hợp khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn nhưng vượt quá số lượng được khen thưởng theo quy định thì ưu tiên người cao tuổi sắp nghỉ hưu, lựa chọn cá nhân là nữ và tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng.

d) Thời gian để đề nghị khen thưởng cho lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian trình khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

e) Không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được. Hình thức khen thưởng theo đợt, chuyên đề không tính làm điều kiện, tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước. Đối với tập thể, cá nhân khi trình khen thưởng cấp Nhà nước (hoặc cấp tỉnh) nếu không được khen thưởng thì đơn vị trình cấp có thẩm quyền khen thưởng bổ sung ở cấp thấp hơn cho các tập thể và cá nhân nếu đủ tiêu chuẩn.

Trong một năm, ngoài khen thưởng công tác năm (khen thưởng thường xuyên), khen thưởng chuyên đề: Ưu tiên khen thưởng cho công chức, viên chức, người lao động trực tiếp; đối với lãnh đạo đạt thành tích chỉ đề nghị, xét khen thưởng 01 lần/năm (trừ trường hợp khen thưởng đột xuất). Trường hợp đặc biệt phải được sự đồng ý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đối với khen thưởng giai đoạn 05 năm, 10 năm thực hiện theo kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc của ngành dọc Trung ương.

g) Khen thưởng đối với cá nhân mà Luật Thi đua, khen thưởng quy định “hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” là căn cứ vào kết quả đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo Luật Cán bộ, công chức và Luật

Viên chức hiện hành; đối với cá nhân không thuộc đối tượng áp dụng Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị thống nhất xem xét, đề nghị khen thưởng.

h) Trong một năm, tập thể, cá nhân chỉ đề nghị cấp có thẩm quyền (Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc ngành dọc Trung ương) khen thưởng một lần về thành tích công tác năm (khi đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng, trong Biên bản họp Hội đồng thi đua khen thưởng cấp trình khen phải nêu rõ chưa đề nghị cấp Bộ, ngành khen thưởng).

i) Đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng là đề tài khoa học đã được nghiệm thu ở cấp cơ sở từ mức đạt trở lên, được áp dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả cao, đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 4. Đăng ký thi đua, đề nghị khen thưởng

Phải căn cứ vào phong trào thi đua, đăng ký thi đua, mục tiêu, chỉ tiêu thi đua; phạm vi, mức độ ảnh hưởng của thành tích trong cộng đồng, trên từng lĩnh vực đời sống xã hội, điều kiện hoàn cảnh cụ thể lập được thành tích để bình xét, lựa chọn kịp thời đề nghị các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

1. Thời gian đăng ký thi đua: Các cơ quan, đơn vị, địa phương; Khối thi đua đăng ký thi đua ngay sau khi kết thúc năm và gửi danh sách đăng ký về Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ (cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh) trước ngày 28 tháng 02 hàng năm. Riêng ngành Giáo dục và Đào tạo trước ngày 31 tháng 10 hàng năm.

2. Thời gian tiến hành bình xét danh hiệu thi đua thường xuyên của đơn vị vào dịp tổng kết năm trước ngày 31 tháng 12 hàng năm. Riêng ngành Giáo dục và Đào tạo bình xét sau khi kết thúc năm học (trước ngày 31 tháng 7 hàng năm).

3. Thời gian bình xét thi đua theo đợt (thi đua theo chuyên đề) được tiến hành sau khi kết thúc thời gian đã định khi phát động phong trào thi đua.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN

DANH HIỆU THI ĐUA

Mục 1. HÌNH THỨC, NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM TRONG TỔ CHỨC THI ĐUA

Điều 5. Hình thức tổ chức phong trào thi đua

1. Thi đua thường xuyên: Là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giữa các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, tổ

chức, đơn vị hoặc theo cụm, khối thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, trưởng các cụm, khối thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

2. Thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt): Là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tổ chức thi đua để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Cơ quan, tổ chức, đơn vị chỉ phát động thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) khi đã xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung, giải pháp và thời gian.

Thi đua theo chuyên đề tổ chức trong phạm vi của tỉnh, khi tiến hành sơ kết, tổng kết, lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng theo thẩm quyền. Trường hợp tổ chức trong phạm vi cả nước, khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua từ 03 năm trở lên, lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen; từ 05 năm trở lên lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc đề nghị Chủ tịch nước xét tặng Huân chương Lao động hoặc Huân chương Bảo vệ Tổ quốc.

Khi tổ chức phong trào thi đua theo chuyên đề có phạm vi trong tỉnh có thời gian từ 03 năm trở lên, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và gửi kế hoạch tổ chức phát động phong trào thi đua về Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Bộ Nội vụ để tổng hợp và hướng dẫn khen thưởng.

Điều 6. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua, trên cơ sở đó đề ra các chỉ tiêu và nội dung thi đua cụ thể. Việc xác định nội dung và chỉ tiêu thi đua phải đảm bảo khoa học, phù hợp với thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương và có tính khả thi.

2. Căn cứ vào đặc điểm, tính chất công tác, lao động, nghề nghiệp, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua để có hình thức tổ chức phát động thi đua, coi trọng việc tuyên truyền về nội dung và ý nghĩa của đợt thi đua, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của quần chúng, đa dạng hóa các hình thức phát động thi đua; chống mọi biểu hiện phô trương, hình thức trong thi đua.

3. Triển khai các biện pháp tổ chức vận động thi đua, theo dõi quá trình tổ chức thi đua, tổ chức chỉ đạo điểm để rút kinh nghiệm và phổ biến các kinh nghiệm tốt trong các đối tượng tham gia thi đua.

4. Căn cứ vào nội dung, chỉ tiêu của phong trào thi đua để xây dựng các tiêu chí đánh giá phù hợp với thực tế và để làm căn cứ bình xét thi đua, khen thưởng trong các kỳ sơ kết, tổng kết.

5. Trong quá trình tổ chức thực hiện chú trọng công tác chỉ đạo điểm, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra. Nâng cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu trong việc phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới, cách làm hay trong phong trào thi đua. Việc phát hiện điển hình tiên tiến là nhiệm vụ trọng tâm trong tổ chức các phong trào thi đua.

6. Sơ kết, tổng kết phong trào thi đua:

a) Đối với phong trào thi đua dài ngày, phải tổ chức sơ kết để rút kinh nghiệm, điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu, kế hoạch, nhiệm vụ và biện pháp thực hiện cho phù hợp nhằm đạt được mục tiêu thi đua đã đề ra.

b) Kết thúc phong trào thi đua phải tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả, tác dụng thi đua, lựa chọn công khai khen thưởng những tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào thi đua.

c) Tổ chức tuyên truyền phổ biến các sáng kiến, kinh nghiệm để học tập và nhân rộng các gương điển hình tiên tiến.

d) Hàng năm các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các khối thi đua trên địa bàn tỉnh sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng và gửi báo cáo về Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ:

Báo cáo sơ kết gửi trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.

Báo cáo tổng kết gửi trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong triển khai tổ chức phong trào thi đua

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh) chỉ đạo và phát động phong trào thi đua; quyết định khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc hoặc đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng; tuyên truyền, tôn vinh các điển hình tiên tiến và tạo điều kiện để tập thể, cá nhân được khen thưởng huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” được trao đổi, giao lưu, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng những sáng kiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các xã, phường, thị trấn; Giám đốc các doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập; Thủ trưởng các đơn vị hành chính, sự nghiệp từ tỉnh đến cơ sở chủ trì tổ chức phát động phong trào thi đua; tổ chức tuyên truyền nhân rộng các điển hình tiên tiến, giữ vững và phát huy tác dụng của các điển hình trong hoạt động thực tiễn; chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu (là điển hình tiên tiến) trong phạm vi quản lý của mình để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

3. Mặt trận Tổ quốc, các thành viên của Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp có trách nhiệm:

a) Tổ chức và phối hợp với cơ quan Nhà nước để phát động, triển khai các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng điển hình tiên tiến trên địa bàn tỉnh.

b) Tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia các phong trào thi đua góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đời sống văn hóa, bảo vệ an ninh quốc phòng trên địa bàn.

c) Giám sát thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng; phát hiện, đề xuất những điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua đề nghị thủ trưởng cơ quan cùng cấp khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện có hiệu quả quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh.

Điều 8. Trách nhiệm của cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng

1. Cơ quan chuyên trách công tác thi đua, khen thưởng các cấp căn cứ vào nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và 5 năm để tham mưu, đề xuất với cấp ủy Đảng, chính quyền về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua; đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua; chủ động phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các thành viên trong việc hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua và kiểm tra việc thực hiện; tham mưu sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng khách quan, trung thực, kịp thời và kiến nghị đổi mới công tác thi đua, khen thưởng.

2. Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ có trách nhiệm tham mưu với Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh về nội dung và tổ chức các phong trào thi đua trên địa bàn tỉnh.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan truyền thông đại chúng

Các cơ quan truyền thông của tỉnh, huyện, xã có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng; phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt; cổ động phong trào thi đua. Phát hiện các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; đấu tranh phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Mục 2. DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 10. Các danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân gồm: "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh"; "Chiến sĩ thi đua cơ sở"; "Lao động tiên tiến".

2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể gồm: "Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh"; "Tập thể lao động xuất sắc"; "Tập thể lao động tiên tiến"; "Thôn văn hóa"; "Làng văn hóa", "Tổ dân phố văn hóa".

3. Danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình là "Gia đình văn hoá".

4. Các danh hiệu, tiêu chuẩn thi đua đối với tập thể, cá nhân thuộc lực lượng vũ trang, dân quân tự vệ, bảo vệ dân phố, công an xã, thị trấn thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an (hoặc ngành dọc).

5. Các danh hiệu, tiêu chuẩn thi đua của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan Trung ương của tổ chức này.

Điều 11. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Có thành tích tiêu biểu xuất sắc được lựa chọn trong số những cá nhân 03 lần liên tục đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở";
2. Có sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học có phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng cấp tỉnh.

Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc ủy quyền cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là Chủ tịch Hội đồng xét duyệt sáng kiến, đề tài nghiên cứu cấp tỉnh xem xét, đánh giá mức độ ảnh hưởng, khả năng ứng dụng trong thực tiễn sản xuất, công tác.

Điều 12. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Đạt tiêu chuẩn danh hiệu "Lao động tiên tiến" hoặc “Chiến sĩ tiên tiến”;
- b) Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được cơ quan, tổ chức, đơn vị công nhận.

2. Tỷ lệ cá nhân đề nghị danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến”.

Điều 13. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho cán bộ, công chức, viên chức đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;
- b) Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;
- c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;
- d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

2. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng cho công nhân, nông dân, người lao động đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Lao động sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội;

b) gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.

3. Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến”.

4. Cá nhân được tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng; có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến”.

5. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến”.

6. Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

Trường hợp cá nhân được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến” do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái xem xét, quyết định (có ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái).

7. Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến” đối với một trong các trường hợp sau: Công chức, viên chức, người lao động bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên, mới tuyển dụng dưới 12 tháng, nghỉ từ 30 ngày làm việc trở lên (đối với cá nhân không thuộc Khoản 3 Điều này).

Điều 14. Danh hiệu "Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh"

"Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh" được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc của tỉnh.

2. Có nhân tố mới, mô hình mới thực sự tiêu biểu để các tập thể khác trong tỉnh học tập.

3. Nội bộ đoàn kết; tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh, chính quyền đạt trong sạch vững mạnh; tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

a) Đối với tổ chức Đảng: Đạt trong sạch vững mạnh cấp huyện và tương đương trở lên;

b) Chính quyền trong sạch vững mạnh:

Huyện: Đạt chính quyền trong sạch vững mạnh cấp tỉnh;

Xã, phường, thị trấn: Đạt chính quyền trong sạch vững mạnh cấp huyện trở lên; xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

4. Được Khôi thi đua, các huyện, ngành... bình xét suy tôn là tập thể tiêu biểu xuất sắc.

Số lượng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” (thực hiện theo Phụ lục chi tiết kèm theo Quy chế này).

Điều 15. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;

c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; quy chế hoạt động của cơ quan.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”: Là tập thể tiêu biểu, được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, đạt tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003.

“Tập thể lao động xuất sắc” phải có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc hình thức “chuyển làm công việc khác có mức lương thấp hơn trong thời hạn từ 6 tháng” trở lên (nếu là đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Bộ Luật Lao động).

3. Số lượng đề nghị tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”:

a) Đối với cơ quan, đơn vị dưới 05 phòng, ban và đơn vị trực thuộc được đề nghị 01 tập thể.

b) Đối với cơ quan, đơn vị có từ 05 đến 12 phòng, ban và đơn vị trực thuộc đề nghị 02 tập thể.

c) Đối với cơ quan, đơn vị có từ 13 phòng, ban và đơn vị trực thuộc trở lên đề nghị không quá 04 tập thể.

d) Ngành Y tế được đề nghị không quá 15 tập thể.

e) Sở Giáo dục và Đào tạo:

Các phòng, ban khen thưởng theo năm công tác;

Các trung tâm giáo dục thường xuyên, trường trung học phổ thông (kể cả trường dân lập) khen thưởng theo năm học, số lượng đề nghị không quá 12 tập thể (kể cả tập thể nhỏ).

g) Các huyện, thành phố:

Khen thưởng công tác năm: Mỗi huyện, thành phố đề nghị không quá 06 tập thể (bao gồm cả phòng Giáo dục và Đào tạo);

Khen thưởng theo năm học: Các trường trung học cơ sở, tiểu học và mầm non mỗi huyện đề nghị không quá 10 tập thể (riêng huyện Khoái Châu, huyện Ân Thi và huyện Yên Mỹ đề nghị không quá 13 tập thể kể cả tập thể nhỏ).

Điều 16. Danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, làng, tổ dân phố văn hóa”

Danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, làng, tổ dân phố văn hóa” và tương đương được xét tặng hàng năm cho các đối tượng đạt tiêu chuẩn tại Điều 29, 30 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 17. Các loại hình khen thưởng

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

2. Khen thưởng theo chuyên đề (hoặc theo đợt) là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động.

3. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đã đạt được thành tích đột xuất.

Thành tích đột xuất là thành tích đạt được ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ mà tập thể, cá nhân đảm nhiệm.

Thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ đặc biệt xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực được khu vực hoặc thế giới ghi nhận.

4. Khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia trong các giai đoạn cách mạng (giữ chức vụ lãnh đạo quản lý trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội), có công lao, thành tích xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

5. Khen thưởng theo niên hạn là khen thưởng cho cá nhân thuộc lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân có thành tích, có thời gian tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

6. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài đã có thành tích trên các lĩnh vực, có đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

Điều 18. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Đối với cá nhân:

a) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do tỉnh phát động hàng năm.

Lập được nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực.

02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

b) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong công tác, lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã.

Công nhân có sáng kiến trong lao động, sản xuất mang lại lợi ích cho doanh nghiệp và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề.

Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 02 năm trở lên, giúp đỡ hộ nông dân xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm ổn định cho 10 lao động trở lên.

2. Đối với tập thể:

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc tỉnh.

c) 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

3. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể thuộc Khối thi đua trên địa bàn tỉnh có số điểm liên kê với đơn vị được Khối suy tôn, bình bầu tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh:

- a) Đối với khối thi đua có từ 10 đơn vị trở lên: Đề nghị 02 tập thể;
- b) Đối với khối thi đua có dưới 10 đơn vị: Đề nghị 01 tập thể.

4. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

5. Khen thưởng về ưu đãi tài năng: Thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về khuyến khích ưu đãi tài năng.

6. Khen thưởng đối ngoại: Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được tặng thưởng cho tập thể, cá nhân có đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh.

7. Số lượng, tỷ lệ khen thưởng:

7.1. Khen thưởng công tác năm:

a) Số lượng, tỷ lệ khen thưởng:

Mỗi sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương, mỗi huyện, thành phố lựa chọn không quá 20% tổng số đơn vị trực thuộc và không quá 10% tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

Đối với doanh nghiệp thuộc khối thi đua của tỉnh:

Doanh nghiệp có dưới 100 người lao động: Không quá 02 tập thể, không quá 03 cá nhân;

Doanh nghiệp có từ 100 đến 250 người lao động: Không quá 03 tập thể, không quá 05 cá nhân;

Doanh nghiệp có trên 250 người lao động: Không quá 04 tập thể, không quá 07 cá nhân.

b) Cơ cấu khen thưởng:

Tỷ lệ trình khen thưởng đối với lãnh đạo quản lý (lãnh đạo phòng và tương đương thuộc sở; lãnh đạo phòng và tương đương thuộc cấp huyện trở lên) không quá 40% trong tổng số cá nhân đề nghị khen thưởng; việc khen thưởng tập thể, cá nhân đảm bảo cơ cấu, tỷ lệ hợp lý giữa các phòng, ban và tương đương trong cùng một cơ quan, đơn vị, địa phương.

7.2. Khen thưởng chuyên đề:

Khi tổng kết các đợt, phong trào thi đua do tỉnh, ngành phát động (theo kế hoạch đã được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt), các cấp, ngành, đơn vị trình Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng chủ yếu khen thưởng cho các đối tượng trực tiếp thực hiện nội dung chuyên đề (số lượng chiếm khoảng 50% tổng số cá nhân đề nghị khen thưởng).

Khen thưởng cho nông dân, công nhân trực tiếp lao động, sản xuất có sáng kiến mang lại hiệu quả kinh tế hoặc nông dân có mô hình sản xuất ổn định từ 02 năm trở lên, giúp đỡ hộ nông dân xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm ổn định

cho 10 lao động trở lên nếu được Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng Bằng khen cho tập thể, cá nhân 01 lần/năm.

Điều 19. Giấy khen

1. Giấy khen gồm:

Giấy khen của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã;

Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

(Số lượng, tỷ lệ khen thưởng do Thủ trưởng các đơn vị có thẩm quyền tặng giấy khen quy định).

1.1. Giấy khen để tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua;
- b) Lập được thành tích đột xuất;
- c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu, chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

1.2. Giấy khen để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua;
- b) Lập được thành tích đột xuất;
- c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

1.3. Giấy khen để tặng cho gia đình:

a) Giấy khen của thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho xã hội.

b) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho xã hội.

c) Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào tình hình thực tế quy định mức đóng góp của gia đình để khen thưởng.

2. Việc tặng thưởng Giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời ngay sau khi kết thúc đợt thi đua ngắn ngày, đợt thi đua theo chuyên đề hoặc hoàn thành một hạng mục công trình và do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp xem xét, quyết định tặng thưởng Giấy khen.

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG, THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Mục 1. THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH VÀ TRAO TẶNG

Điều 20. Thẩm quyền quyết định

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng Bằng khen, danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", "Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh".

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở", "Lao động tiên tiến", "Tập thể lao động tiên tiến" và Giấy khen; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tặng danh hiệu thôn, làng, tổ dân phố văn hóa.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã quyết định tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở", "Lao động tiên tiến", "Tập thể lao động tiên tiến" và Giấy khen.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tặng Giấy khen, danh hiệu "Gia đình văn hóa". Đối với cán bộ, công chức, công nhân, nông dân, người lao động thuộc quản lý của cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến" và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở".

Điều 21. Trao tặng

Người có thẩm quyền quyết định tặng hình thức khen thưởng thì trực tiếp trao tặng hoặc ủy quyền trao tặng hình thức khen thưởng.

Mục 2. THỦ TỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 22. Quy định chung về thủ tục, hồ sơ trình khen thưởng

1. Tập thể, cá nhân trình khen kèm báo cáo thành tích theo tiêu chuẩn; hồ sơ đề nghị khen thưởng phải phù hợp với hình thức khen thưởng. Báo cáo thành tích phải có đủ căn cứ để đối chiếu với các tiêu chuẩn.

2. Nội dung báo cáo thành tích của các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng thực hiện theo mẫu báo cáo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ.

3. Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị tặng các danh hiệu, hình thức khen thưởng cấp tỉnh phải có xác nhận của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương đề nghị khen thưởng; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương

chịu trách nhiệm về thủ tục hồ sơ và nội dung báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân thuộc đối tượng quản lý khi trình khen thưởng cấp tỉnh.

4. Đối với đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, khi trình các hình thức khen thưởng: Cờ thi đua, Bằng khen, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Tập thể lao động xuất sắc cho tập thể hoặc cá nhân là thủ trưởng đơn vị, trong hồ sơ khen thưởng phải có xác nhận của cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền; trong báo cáo thành tích phải kê khai rõ các nội dung sau:

a) Số tiền thuế và các khoản thu khác thực tế đã nộp trong năm so với đăng ký.

b) Tỷ lệ % về số nộp ngân sách Nhà nước so với năm trước.

c) Cam kết đã nộp đủ, đúng các loại thuế, các khoản thu khác theo quy định của pháp luật và nộp đúng thời hạn.

d) Việc thực hiện chính sách đóng bảo hiểm xã hội đối với người lao động, đảm bảo môi trường, an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm (phải có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

5. Báo cáo thành tích gửi kèm theo file điện tử về Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ theo địa chỉ: tdkt.snv@hungyen.gov.vn

Điều 23. Hồ sơ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

Hồ sơ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” gồm:

1. Tờ trình đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” của cấp trình khen;
2. Báo cáo thành tích của cá nhân đề nghị tặng danh hiệu có xác nhận của cấp trình khen;

3. Chứng nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (hoặc ủy quyền cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh) là Chủ tịch Hội đồng công nhận sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu cấp tỉnh về việc công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học.

4. Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen phải có số phiếu đồng ý của các thành viên Hội đồng từ 90% trở lên.

5. Bản sao các quyết định công nhận đề tài sáng kiến; bản sao các quyết định đã được khen thưởng hoặc các danh hiệu, hình thức khen thưởng đã được nhận (nếu có).

6. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

Điều 24. Hồ sơ xét tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh”

Hồ sơ xét tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” gồm:

1. Tờ trình đề nghị của cấp trình khen.

2. Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng có xác nhận của cấp trình khen.

3. Biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen.

4. Bản sao các quyết định công nhận đề tài sáng kiến; bản sao các quyết định đã được khen thưởng hoặc các danh hiệu, hình thức khen thưởng đã được nhận (nếu có).

5. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

Điều 25. Hồ sơ, thủ tục đơn giản

1. Những trường hợp có đủ các điều kiện sau đây được đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản:

a) Việc khen thưởng phục vụ yêu cầu chính trị, kịp thời động viên, khích lệ quần chúng;

b) Cá nhân, tập thể lập thành tích xuất sắc đột xuất trong chiến đấu, công tác, lao động, học tập;

c) Thành tích, công trạng rõ ràng.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản, gồm có:

a) Tờ trình đề nghị của cấp trình khen.

b) Tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp ghi rõ hành động, thành tích, công trạng để đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

c) Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

3. Hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với tập thể, cá nhân (nông dân, công nhân) có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong lao động sản xuất, công tác do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phát hiện để khen thưởng, gồm:

a) Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng;

b) Báo cáo tóm tắt thành tích do cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị thực hiện;

c) Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

Điều 26. Phân cấp, trách nhiệm xét duyệt khen thưởng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Quyết định tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh (Ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký);

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng các danh hiệu: “Tập thể lao động xuất sắc”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, Bằng khen .

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh:

Thẩm định hồ sơ, thành tích của các tập thể, cá nhân có đủ tiêu chuẩn trình Ủy ban nhân dân tỉnh xét, trình các cấp có thẩm quyền xét tặng Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương Lao động,

danh hiệu vinh dự Nhà nước, giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước; phối hợp với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tổ chức Đảng và đảng viên theo Quy chế số 04-QC/HĐTĐKTTCD&ĐV-HĐTĐKTT ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tổ chức Đảng và đảng viên.

3. Sở Nội vụ:

Trên cơ sở kết quả thẩm định của Ban Thi đua - Khen thưởng trình lãnh đạo Sở Nội vụ xét duyệt Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ

a) Sau khi các cơ quan, đơn vị, huyện, thành phố và các Khối thi đua hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục trình khen (Tờ trình, biên bản, báo cáo thành tích) gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ (cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh). Ban Thi đua - Khen thưởng thẩm định hồ sơ, thành tích của các đối tượng được đề nghị khen thưởng: Tập thể lao động xuất sắc, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Là cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

Mục 3. HỘI ĐỒNG THI ĐUA KHEN THƯỞNG, HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT SÁNG KIẾN, GIẢI PHÁP CÔNG TÁC, ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU CÁC CẤP

Điều 27. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh:

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh: Là cơ quan tham mưu cho cấp ủy, chính quyền về công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh.

b) Thành phần gồm:

Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Các Phó Chủ tịch Hội đồng gồm:

Phó Chủ tịch thứ nhất: Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh;

Phó Chủ tịch Thường trực: Phó Giám đốc Sở Nội vụ kiêm Trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng:

Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;

Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh.

Các thành viên của Hội đồng gồm đại diện cấp ủy Đảng, thủ trưởng một số sở, ngành lĩnh vực chuyên môn cần thiết, các đoàn thể.

Cơ quan Thường trực Hội đồng - Thi đua Khen thưởng tỉnh là Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ.

c) Nhiệm vụ, quyền hạn: Theo Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở:

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các ngành, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc tỉnh do thủ trưởng đơn vị quyết định thành lập.

b) Chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh.

c) Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ:

Phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn;

Kiểm tra, giám sát phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng;

Tham mưu về việc phong tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng;

d) Cơ cấu của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng: Do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định số lượng thành viên Hội đồng, gồm có:

Chủ tịch Hội đồng: Là thủ trưởng cơ quan, đơn vị;

Các Phó Chủ tịch Hội đồng gồm đại diện: Lãnh đạo cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng, Mặt trận Tổ quốc, Liên đoàn Lao động.

Các thành viên của Hội đồng gồm đại diện: Cấp ủy Đảng, đoàn thể và một số lĩnh vực chuyên môn cần thiết của cơ quan, đơn vị.

Điều 28. Hội đồng xét duyệt công nhận sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu các cấp

1. Hội đồng xét duyệt công nhận sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu cấp tỉnh:

Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập.

Thành phần Hội đồng gồm những thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và một số thành viên khác có liên quan (trong đó, Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan Thường trực Hội đồng).

Có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, công nhận và đánh giá mức độ ảnh hưởng, ứng dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả của sáng kiến, giải pháp kỹ thuật, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” và đề nghị các hình thức khen thưởng theo quy định.

Việc xét, công nhận sáng kiến thực hiện theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ sáng kiến và Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

2. Hội đồng xét duyệt công nhận sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu; Hội đồng Khoa học cấp cơ sở:

a) Thực hiện các chức năng nhiệm vụ tương tự Hội đồng xét duyệt công nhận sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu cấp tỉnh trong phạm vi đơn vị mình quản lý.

b) Do thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” quyết định thành lập. Hội đồng gồm có những thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và các thành viên khác.

c) Thành phần, số lượng do người đứng đầu cấp cơ sở quyết định.

Mục 4. TUYẾN TRÌNH VÀ THỜI HẠN TRÌNH KHEN THÔNG BÁO KẾT QUẢ VÀ NHẬN HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG

Điều 29. Tuyến trình khen thưởng

1. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Cấp nào chủ trì phát động thi đua theo đợt, theo chuyên đề thì cấp đó có thẩm quyền khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc.

3. Ngoài các trường hợp khen thưởng nêu tại Điểm 1 và 2 của Điều này, các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan, đơn vị phát động thi đua theo chuyên đề, thi đua theo đợt được khen thưởng theo thẩm quyền; trường hợp thành tích đặc biệt xuất sắc, tiêu biểu có phạm vi ảnh hưởng rộng thì đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng Bằng khen.

4. Tập thể, cá nhân làm chuyên trách công tác đảng, đoàn thể:

a) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc tỉnh, có đủ tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định thì cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp tỉnh khen thưởng.

b) Tập thể chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp huyện có đủ tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định thì cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

5. Đối với tổ chức công đoàn: Thực hiện theo Điểm d, Khoản 4, Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2017.

6. Đối với các hội ở địa phương: Các hội là tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

7. Đối với các tổ chức kinh tế :

a) Đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, hợp tác xã, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ: Cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc cấp giấy phép thành lập và hoạt động hoặc đăng ký hợp tác xã, liên hợp tác xã khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng. Đối với Quỹ tín dụng nhân dân do Ủy ban nhân dân các cấp khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

b) Đối với doanh nghiệp Nhà nước: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với doanh nghiệp Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập hoặc được giao quản lý.

c) Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ: Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc tổ chức được Chính phủ giao thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

8. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng (trừ những đơn vị là thành viên thuộc các tập đoàn kinh tế và Tổng Công ty Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập).

9. Đối với các khu công nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

10. Đối với tập thể, cá nhân trong khu công nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh thực hiện như sau:

Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, quyết định tặng thưởng danh hiệu “ Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “ Chiến sĩ thi đua cơ sở” và Giấy khen. Trên cơ sở đề nghị của Trưởng Ban Quản lý khu công nghiệp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xét tặng danh hiệu: “Tập thể lao động xuất sắc”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” và trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng theo quy định.

11. Các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc; các danh hiệu thi đua do cơ quan, đơn vị ngành dọc xét và công nhận theo thẩm quyền.

Điều 30. Thời hạn trình khen

1. Khen về lĩnh vực kinh tế - xã hội kết thúc trước ngày 31 tháng 01 hàng năm;

2. Khen theo chuyên đề và các hình thức khen thưởng đặc thù khác sau khi kết thúc đợt thi đua chuyên đề hoặc có thành tích đề nghị khen thưởng;

3. Riêng khen thưởng ngành Giáo dục và Đào tạo nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng trước ngày 31 tháng 7 hàng năm.

Điều 31. Thông báo kết quả và nhận hiện vật khen thưởng

1. Đối với khen thưởng vinh dự Nhà nước:

Sau khi có kết quả họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh hoặc thông báo của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ thông báo với đơn vị trình khen về lý do tập thể, cá nhân không đủ điều kiện xét khen thưởng.

2. Đối với khen thưởng cấp tỉnh:

a) Tập thể, cá nhân không đủ tiêu chuẩn khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định) Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ thông báo cho đơn vị trình khen biết.

b) Các cơ quan, đơn vị trình khen thưởng nhận hiện vật khen thưởng tại Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ trong thời gian 10 ngày kể từ ngày có Quyết định khen thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương V

LẬP, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 32. Nguồn hình thành, mức thưởng và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng

1. Mức tiền thưởng kèm theo danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 73, 74 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ, theo nguyên tắc:

a) Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo mức tiền thưởng khác nhau, thì chỉ nhận mức tiền thưởng cao nhất.

b) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua.

c) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

d) Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương cơ sở được làm tròn số lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

2. Nguồn, mức trích quỹ; sử dụng và quản lý quỹ thi đua khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 64, 65, 66 của Nghị định 91/2017/ NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ.

Chương VI
XỬ LÝ VI PHẠM, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ
THI ĐUA KHEN THƯỞNG; HỦY QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG
VÀ THU HỒI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG

Mục 1. XỬ LÝ VI PHẠM, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO
VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 33. Hành vi vi phạm và hình thức xử lý đối với tập thể, cá nhân vi phạm các quy định về khen thưởng

Tập thể, cá nhân vi phạm các quy định về khen thưởng thì theo mức độ sai phạm bị xử lý về hành chính, hủy quyết định khen thưởng, thu hồi hiện vật khen thưởng và chế độ được hưởng hoặc truy cứu trách nhiệm, bao gồm:

1. Vi phạm các Khoản 3, 4 Điều 14 của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003;
2. Cố tình che dấu hành vi vi phạm chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước để đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng;
3. Dùng tiền, các lợi ích vật chất khác nhằm mua chuộc người, cơ quan có thẩm quyền khen thưởng để được khen thưởng;
4. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào công tác khen thưởng.

Điều 34. Hình thức xử lý đối với cá nhân, tập thể có hành vi vi phạm các quy định về khen thưởng

1. Hủy bỏ quyết định khen thưởng và thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận;
2. Tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, người vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật;
3. Tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, người đứng đầu tập thể có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật;
4. Cơ quan có thẩm quyền công bố trên phương tiện thông tin đại chúng về hành vi vi phạm và hình thức xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật của cá nhân, tập thể.

Điều 35. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại tố cáo về thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 98 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003.

Mục 2. HỦY QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG VÀ THU HỒI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG

Điều 36. Hồ sơ, thủ tục, hủy bỏ Quyết định khen thưởng.

1. Cá nhân gian dối trong việc kê khai thành tích đề nghị khen thưởng sẽ bị hủy bỏ quyết định khen thưởng và thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận.

2. Căn cứ vào kết luận của cơ quan có thẩm quyền về việc cá nhân kê khai gian dối thành tích để được khen thưởng, cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng ban hành quyết định hủy bỏ.

3. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định gồm:

a) Tờ trình của cơ quan trực tiếp trình khen thưởng;

b) Báo cáo tóm tắt lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định khen thưởng.

4. Sau khi có quyết định hủy bỏ hình thức khen thưởng, cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm thu hồi hiện vật khen thưởng giao nộp về cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng cùng cấp; số tiền thưởng thu nộp vào Quỹ thi đua, khen thưởng.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 37. Giao Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ (cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh):

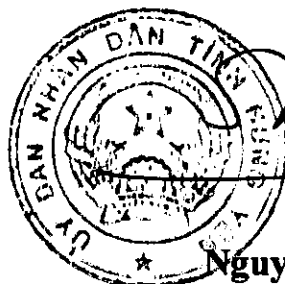
1. Có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện Quy chế này.

2. Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định sửa đổi Quyết định số 51/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 về việc ban hành Quy chế quản lý xét tôn vinh danh hiệu và trao giải thưởng cho doanh nhân, doanh nghiệp, Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ kịp thời tham mưu cấp ủy, chính quyền Quy chế về việc xét tặng Huy hiệu, Cúp Phó Hiến cho doanh nhân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Điều 38. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc hoặc chưa phù hợp, các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị kịp thời phản ánh về Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, bổ sung, sửa đổi. *ngre*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phóng

PHỤ LỤC

Số lượng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh)

STT	Tên khối thi đua	Số lượng đơn vị	Số lượng Cờ
1	Khối thi đua các Ban, đơn vị, cơ quan Đảng (Các Ban Đảng, Đảng ủy khối trực thuộc)	11	02
2	Khối thi đua Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh	6	02
3	Khối thi đua các cơ quan Nội chính	8	02
4	Khối thi đua các sở, ban, ngành về kinh tế, kỹ thuật	7	02
5	Khối thi đua các sở, ban, ngành về văn hóa, xã hội	8	02
6	Khối thi đua các cơ quan tham mưu, tổng hợp	11	02
7	Khối thi đua Ngân hàng	9	02
8	Khối thi đua các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh	08	02
9	Khối thi đua các doanh nghiệp vốn Nhà nước	12	02
10	Khối thi đua các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp	14	02
11	Khối thi đua các huyện, thành phố	10	03
12	Khối thi đua xã, phường, thị trấn thuộc huyện, thành phố/01 Cờ	10	10
13	Khối thi đua các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác gồm: - Các doanh nghiệp có vốn ngoài nước 03 Cờ; - Các doanh nghiệp có vốn trong nước 03 Cờ. (do Hiệp hội Doanh nghiệp chủ trì trình xét)		06
14	Lĩnh vực Quốc phòng (chia làm 03 Khối thi đua)		03
	- Khối thi đua các phòng, ban, cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ CHQS tỉnh: 01 Cờ; - Khối thi đua các đơn vị lực lượng vũ trang huyện, thành phố: 01 Cờ; - Khối thi đua dân quân tự vệ: 01 Cờ.		
15	Lĩnh vực An ninh (chia làm 03 Khối thi đua)		03
	- Khối thi đua các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Công		

nghe

	an tỉnh: 01 Cờ; - Khối thi đua Công an các huyện, thành phố: 01 Cờ; - Khối thi đua Phong trào “Vì an ninh Tổ quốc”: 01 Cờ.		
16	Ngành Giáo dục và Đào tạo		
	Khối thi đua các Trường THPT (chia làm 3 cụm thi đua) gồm: - Cụm 1: (13 trường) gồm các huyện, thành phố: thành phố Hưng Yên, Tiên Lữ, Phù Cừ, Mỹ Hào: 01 Cờ; - Cụm 2: (13 trường) gồm các huyện: Ân Thi, Kim Động, Yên Mỹ: 01 Cờ; - Cụm 3: (12 trường) gồm các huyện: Khoái Châu, Văn Giang, Văn Lâm: 01 Cờ.	38	03
	Khối thi đua các Trường Trung học cơ sở: 01 Cờ/huyện, thành phố (do UBND huyện, thành phố bình chọn).	10	10
	Khối thi đua các Trường tiểu học: 01 Cờ/huyện, thành phố (do UBND huyện, thành phố bình chọn).	10	10
	Khối thi đua các Trường Mầm non: 01 Cờ/huyện, thành phố (do UBND huyện, thành phố bình chọn).	10	10
17	Ngành Y tế (do Sở Y tế bình chọn)		
	Khối thi đua các Bệnh viện, Trung tâm Y tế tuyến tỉnh		01
	Khối thi đua các Trung tâm Y tế tuyến huyện		01
	Tổng		80

nghe

ỦY BAN NHÂN DÂN